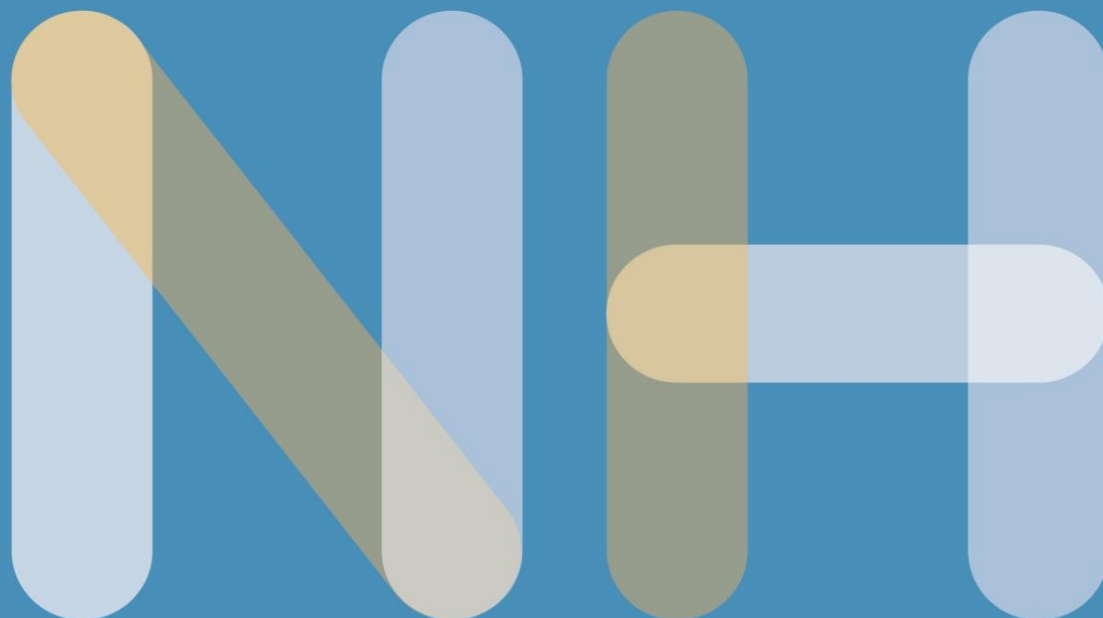


BẢN TIN HÀNG NGÀY

05 tháng 5 năm 2026



Nhóm VIN và dầu khí đẩy chỉ số

- Vn-Index đi ngang quanh tham chiếu đầu ngày, sau đó tăng mạnh khoảng 20 điểm từ giữa phiên sáng, và duy trì quanh mức này đến cuối phiên
- Nhóm VIN tăng mạnh, 4 cổ phiếu nhóm VIN đóng góp tới 23 điểm vào chiều tăng của Vn-Index
- Nhóm dầu khí cũng tăng mạnh, trong đó PVT tăng gần trần
- Vài mã khác tăng tốt là VPB GEE LPB
- Tuy vậy, số lượng mã giảm lại gấp hơn 2 lần số mã tăng, đa phần cổ phiếu và nhóm ngành giảm điểm
- NVL tiếp tục giảm sàn với số dư bán sàn lên tới 44.6 triệu cổ phiếu, dù lượng khớp chỉ là 33.3 triệu
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng 8.2% so với ngày trước đó

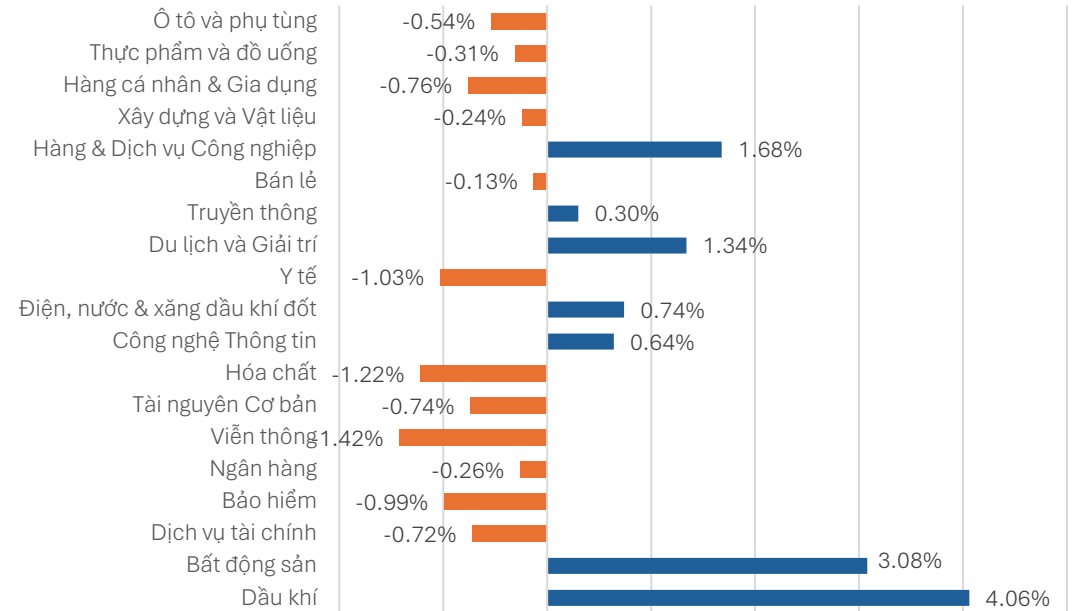


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,874.9	247.4	127.3
(+/-)	20.79	-2.62	-0.45
(%)	1.12%	-1.05%	-0.35%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	773	68	28
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	22,355	1,261	504
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(976)	15	5
Số mã tăng	97	48	103
Số mã giảm	213	89	112
Số mã giá không đổi	57	61	80

1.

Nhận định thị trường

- Nếu chỉ xét trên Vn-Index, kháng cự hiện tại đang ở vùng 1,880 điểm. Phiên hôm nay là phiên khá tích cực về chỉ số: Vn-Index đóng cửa nền xanh với thanh khoản tốt, khả năng Vn-Index vượt kháng cự 1,880 là khá cao
- Tuy vậy, chúng tôi hiểu là số lượng cổ phiếu giảm điểm gấp hơn 2 lần số mã tăng, khiến nhà đầu tư khá chán nản
- Nhóm dầu khí bùng nổ cũng là tín hiệu tích cực, cho thấy dòng tiền đang tìm đến nhóm ngành khác ngoài họ VIN
- Do đó, kỳ vọng Vn-Index vượt vùng 1,800-1,900 điểm; dòng tiền sẽ quay trở lại để đẩy các cổ phiếu khác
- Tóm lại, đa phần cổ phiếu đã giảm rất thấp, giờ không phải thời điểm bán ra.



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	11.92	1.68
2	Nguyên vật liệu	13.80	1.63
3	Công nghiệp	13.21	1.81
4	Hàng Tiêu dùng	14.08	2.35
5	Dược phẩm và Y tế	16.12	1.64
6	Dịch vụ Tiêu dùng	19.86	3.60
7	Viễn thông	22.42	5.79
8	Tiện ích Cộng đồng	12.45	1.73
9	Tài chính	20.77	2.89
10	Ngân hàng	9.24	1.49
11	Công nghệ Thông tin	13.54	2.68

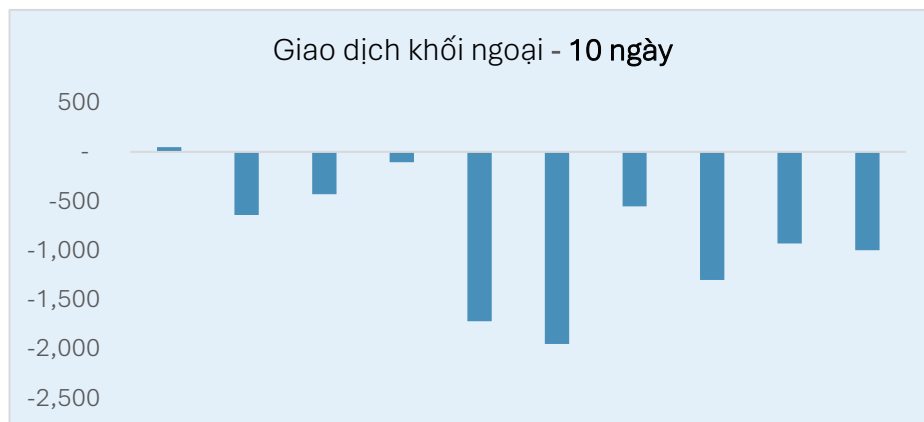
2.

Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
VPB	3.90%	VHM	6.48%	HCM	0.95%	ASM	4.15%	CTD	0.58%	PTB	-0.20%	POW	2.63%	DPM	1.92%
LPB	2.34%	VRE	4.45%	FTS	0.19%	VHC	1.13%	BMP	0.33%	DHC	-0.28%	PGD	2.12%	DCM	1.31%
MSB	1.20%	VIC	3.54%	BCG	0.00%	DBC	0.89%	VCG	0.22%	HSG	-0.40%	GAS	1.57%	VFG	0.00%
STB	0.60%	VPI	1.96%	VDS	-0.35%	VNM	0.33%	VGC	-0.12%	ACG	-1.03%	HNA	0.70%	PHR	-0.31%
SSB	0.00%	KOS	0.54%	CTS	-0.38%	BAF	0.14%	HTI	-0.42%	HPG	-1.09%	BWE	0.46%	CSV	-0.38%
CTG	-0.14%	KBC	0.00%	AGR	-1.03%	VCF	0.00%	HHV	-0.79%	NKG	-2.43%	CHP	0.00%	DGC	-0.75%
TPB	-0.31%	SJS	-0.17%	VND	-1.23%	SBT	0.00%	CTR	-1.29%			NT2	0.00%	DPR	-1.41%
HDB	-0.38%	BCM	-0.19%	BSI	-1.43%	MSN	-0.26%	CII	-3.15%			VSH	-0.12%	AAA	-1.47%
MBB	-0.57%	PDR	-0.61%	VCI	-2.10%	PAN	-0.63%	PC1	-3.28%			PPC	-0.20%	GVR	-2.36%
NAB	-0.70%	DXS	-0.76%	VIX	-2.37%	SAB	-0.63%					PGV	-0.21%		
BID	-0.73%	HDG	-0.97%			HAG	-0.92%					SHP	-0.29%		
TCB	-0.75%	DXG	-0.97%			KDC	-0.98%					REE	-0.65%		
VIB	-1.24%	IJC	-0.98%			FMC	-1.04%					GEG	-1.04%		
VCB	-1.32%	SIP	-0.99%			MCM	-1.58%					TDM	-1.55%		
OCB	-1.33%	TCH	-1.45%			ANV	-2.09%					TMP	-2.81%		
EIB	-1.60%	QCG	-1.45%			BHN	-3.33%								
ACB	-2.16%	SZC	-1.82%												
SHB	-2.44%	HDC	-1.84%												
		DIG	-2.39%												
		KDH	-2.40%												
		CRE	-2.49%												
		NLG	-2.88%												
		NVL	-6.81%												

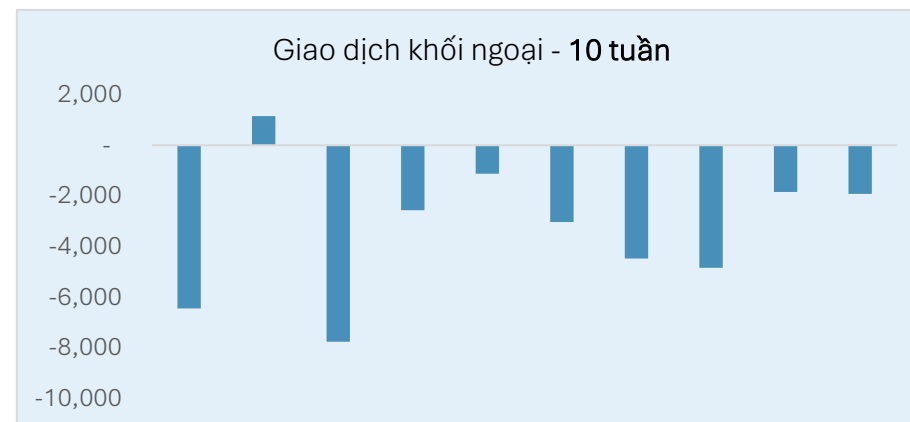
3.

Giao dịch khối ngoại



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	POW	HOSE	145.09	2.13	142.96
2	VHM	HOSE	314.64	245.46	69.18
3	PVT	HOSE	74.23	5.69	68.53
4	VRE	HOSE	135.61	84.49	51.12
5	VIC	HOSE	150.34	106.27	44.06
6	BSR	HOSE	76.20	41.51	34.70
7	GMD	HOSE	50.83	23.49	27.34
8	GAS	HOSE	30.49	5.65	24.84
9	MWG	HOSE	72.44	47.61	24.84
10	PVD	HOSE	54.25	32.23	22.02
11	PAN	HOSE	22.64	0.64	22.00
12	PVS	HNX	33.11	11.73	21.38
13	PLX	HOSE	28.28	7.03	21.25
14	DCM	HOSE	31.26	11.46	19.80
15	MBB	HOSE	48.53	31.27	17.26



Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	ACB	HOSE	15.76	442.18	- 426.42
2	HPG	HOSE	56.84	341.39	- 284.55
3	FPT	HOSE	15.81	149.70	- 133.89
4	VCB	HOSE	24.59	112.03	- 87.44
5	KDH	HOSE	0.40	72.05	- 71.65
6	GEX	HOSE	3.70	64.18	- 60.48
7	TCH	HOSE	2.59	59.07	- 56.49
8	NVL	HOSE	8.30	63.34	- 55.05
9	KBC	HOSE	3.21	45.77	- 42.56
10	NLG	HOSE	3.47	38.29	- 34.81
11	HDG	HOSE	5.33	39.35	- 34.01
12	TPB	HOSE	8.25	40.79	- 32.55
13	HDB	HOSE	14.25	45.18	- 30.93
14	SSI	HOSE	6.50	35.64	- 29.14
15	PC1	HOSE	41.54	68.27	- 26.73

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	113.98	5.37%	12.09%	87.31%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	105.14	3.14%	9.10%	83.11%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,549.60	-1.73%	-2.83%	5.18%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,111	0.00%	0.00%	-0.04%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,366	0.00%	0.00%	-0.04%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	26,720	0.00%	-0.30%	-0.37%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	6.70%	2.82%	6.70%	4.93%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.50%	0.00%	0.00%	0.43%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.67%	0.07%	0.09%	0.49%

Giải ngân vốn đầu tư công 4 tháng đầu năm 2026 đạt 14,2%

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 đã được Quốc hội giao là 1,08 triệu tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay. Theo báo cáo của Bộ Tài chính, giải ngân từ đầu năm đến hết ngày 30/4/2026 là 144.282,9 tỷ đồng, đạt 14,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao

Moody's nâng triển vọng của Việt Nam lên "Tích cực"

Ngày 04/05/2026, tổ chức xếp hạng tín nhiệm Moody's đã điều chỉnh đánh giá triển vọng tín nhiệm của Việt Nam từ "Ổn định" sang "Tích cực" và xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam ở mức Ba2.

Dầu Brent tăng gần 6% sau khi Iran tấn công UAE

Khép phiên ngày 04/05, hợp đồng dầu Brent tương lai tăng gần 6% lên 114.44 USD/thùng, trong khi dầu WTI của Mỹ tăng hơn 4% lên 106.42 USD/thùng. Giá dầu tăng vọt trong phiên thứ Hai sau khi Iran tấn công UAE, làm suy yếu thỏa thuận ngừng bắn giữa Tehran và Washington.

Trong khi đó, giá vàng giao ngay giảm 2.6% xuống 4,524.40 USD/oz, hợp đồng vàng tương lai giao tháng 6 của Mỹ giảm 2.4% xuống 4,533.30 USD/oz.

5.

Bản tin doanh nghiệp

**PLX: Petrolimex báo lỗ hơn 660 tỷ đồng**

Theo báo cáo tài chính quý I/2026, Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX) ghi nhận doanh thu thuần đạt gần 98.698 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp đạt 3.701 tỷ đồng, gần như đi ngang. Sau khi trừ các chi phí, doanh nghiệp ghi nhận lỗ sau thuế 662 tỷ đồng. Đây là mức lợi nhuận thấp nhất kể từ quý 1/2020.

Trong khi đó, BCTC của PLX phát sinh khoản chứng khoán kinh doanh có giá trị lên đến hơn 6.400 tỷ đồng tính đến cuối tháng 3. Tuy nhiên Petrolimex không thuyết minh cụ thể về khoản mục này.

**GVR đạt lợi nhuận ròng cao nhất 6 năm**

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (GVR) đạt lợi nhuận ròng hơn 2.25 ngàn tỷ đồng trong quý 1, gấp đôi cùng kỳ, nhờ giá mủ tăng cao và khoản thu nhập bất thường lớn. Mảng kinh doanh mủ cao su tiếp tục giữ vai trò chủ lực giúp GVR mang về 7.4 ngàn tỷ đồng, tăng 71% và chiếm phần lớn doanh thu. Các lĩnh vực còn lại như bất động sản công nghiệp và chế biến gỗ vẫn đóng góp nhưng quy mô chưa tạo nhiều khác biệt. Ngoài ra, trong kỳ, GVR có hơn 1 ngàn tỷ đồng lợi nhuận bất thường, đến từ thanh lý cây cao su, cây gãy đổ và tiền bồi thường. Kết quả kinh doanh tích cực giúp GVR thực hiện 45% kế hoạch lợi nhuận cả năm chỉ sau quý đầu tiên.

**BSR: Đã chốt tàu chở 650.000 thùng dầu cho tháng 6**

Hội đồng quản trị CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR) đã phê duyệt hợp đồng thuê tàu với PVTrans Pacific (PVP) trị giá tạm tính khoảng 210,6 tỷ đồng. Mục đích nhằm vận chuyển lô dầu thô nhập khẩu Palanca Blend khối lượng 650.000 thùng, dự kiến giao vào tháng 06/2026. Đây là một phần trong kế hoạch nhập khẩu 3 triệu thùng dầu thô quốc tế giai đoạn tháng 3-5/2026 của doanh nghiệp.

6.

Lịch sự kiện

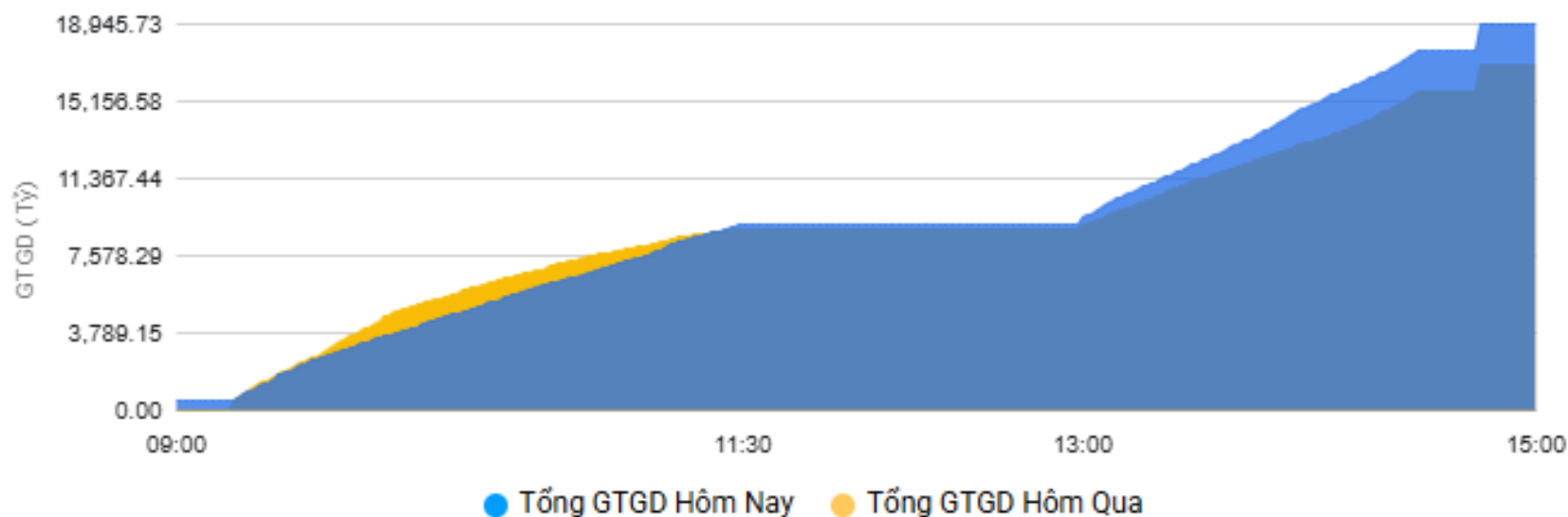
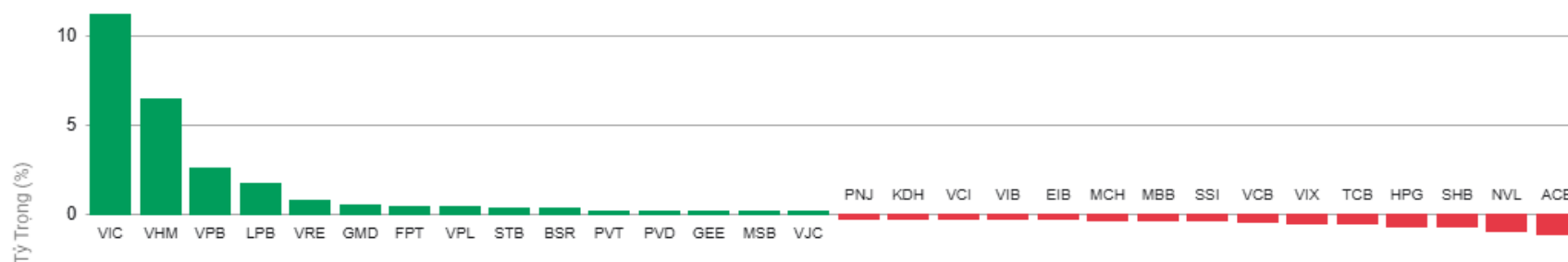
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
TNG	06/05/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
MTP	07/05/2026	29/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
NFC	07/05/2026	18/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
TTC	07/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
PTG	07/05/2026	11/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	50%	5,000
ANI	08/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	15%	1,500
DNN	08/05/2026	21/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	13%	1,300
KHD	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
PEQ	08/05/2026	28/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
PGS	08/05/2026	19/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
SPV	08/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
FMC	11/05/2026	20/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20%	2,000
MAC	11/05/2026		Phát hành cổ phiếu	10%	
GLT	11/05/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	34%	3,400
QNU	11/05/2026	22/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	4.32%	432
SFN	11/05/2026	12/06/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
TET	11/05/2026	26/05/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	1%	100

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHẦN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (05/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	09/04/2026	34,000	28,000	21.4%	Link	Link
TPB	1/7/2024	23/03/2026	23,493	16,250	44.6%	Link	Link
TCB	12/8/2024	25/03/2026	37,000	33,300	11.1%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	25,950	17.1%	Link	Link
ACB	23/9/2024	20/03/2026	28,750	22,600	27.2%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	26,400	21.9%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	40,200	35,300	13.9%	Link	Link
VCB	24/2/2025	11/3/2026	72,000	59,900	20.2%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	40,550	17.7%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	66,600	-11.9%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	34,200	27,300	25.3%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	12,450	-0.2%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	15,950	14,050	13.5%	Link	Link
GMD	27/05/2025	27/2/2026	89,400	77,600	15.2%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	21,450	28.0%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	75,400	56,700	33.0%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (05/05/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	13/11/2025	45,000	27,000	66.7%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	24,400	72.1%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	20,800	15,350	35.5%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	7,810	53.6%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	34,450	17.6%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	53,300	55.7%	Link	Link
VRE	21/3/2025	7/11/2025	30,000	35,200	-14.8%	Link	Link
VHM	29/4/2025	5/11/2025	87,200	151,200	-42.3%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	24,200	18,700	29.4%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	16,400	13.4%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	29,750	23,750	25.3%	Link	Link
VCG	29/8/2025	18/3/2026	23,700	22,850	3.7%	Link	Link
CTD	24/9/2025	13/3/2026	87,650	86,500	1.3%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	148,900	14.2%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	107,500	84,800	26.8%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	40,500	33,000	22.7%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	50,000	43,500	14.9%	Link	Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

